

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I – MÔN: LỊCH SỬ 10 (NH 25-26)

A. NỘI DUNG CƠ BẢN.

Chương I. LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC.

Bài 1: HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ ĐƯỢC CON NGƯỜI NHẬN THỨC.

I. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức

1. Hiện thực lịch sử

- Lịch sử: Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ, gắn với con người và xã hội loài người.

Lịch sử loài người là toàn bộ hoạt động của con người từ khi xuất hiện tới nay.

- Hiện thực lịch sử: Là toàn bộ những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại 1 cách khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người.

2. Lịch sử được con người nhận thức

- Nhận thức lịch sử: là những hiểu biết của con người với hiện thực lịch sử được tái hiện và trình bày theo những cách khác nhau.

- Hiện thực lịch sử là duy nhất, không thay đổi, nhưng nhận thức lịch sử rất đa dạng, có thể thay đổi theo thời gian, theo quan điểm và phương pháp nghiên cứu của mỗi cá nhân.

II. Sử học.

1. Khái niệm Sử học

- Sử học là khoa học nghiên cứu lịch sử của xã hội loài người nói chung hoặc của một quốc gia, dân tộc, địa phương, con người nói riêng.

2. Đối tượng nghiên cứu của Sử học

Là quá trình phát triển phát sinh, phát triển hoặc suy vong của xã hội loài người trong quá khứ. Như vậy, đối tượng của Sử học mang tính toàn diện.

3. Chức năng, nhiệm vụ của Sử học

a. Chức năng

- Chức năng khoa học: Lịch sử cung cấp tri thức khoa học nhằm khôi phục, miêu tả giải thích hiện tượng lịch sử một cách chính xác, khách quan

- Chức năng xã hội: Lịch sử giúp con người tìm hiểu các quy luật phát triển của xã hội loài người trong quá khứ, từ đó nhận thức đúng hiện tại và có thể dự đoán được tương lai.

- Chức năng giáo dục: Thông qua những tấm gương lịch sử, bài học lịch sử giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức và rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc sống.

b. Nhiệm vụ

+ Cung cấp tri thức lịch sử, giúp con người có thể khám phá hiện thực lịch sử một cách chính xác và khách quan nhất.

+ Góp phần bồi dưỡng nhân sinh quan và thế giới quan khoa học, nâng cao trình độ nhận thức của con người.

+ Góp phần giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức và phát triển nhân cách con người.

III. Tri thức lịch sử và cuộc sống

1. Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời, do:

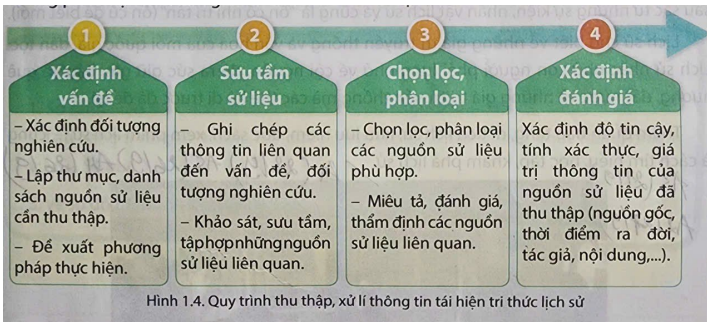
- Tri thức lịch sử rất phong phú, rộng lớn và đa dạng; đồng thời tri thức lịch sử cũng luôn biến đổi không ngừng và mở rộng ra nhiều lĩnh vực.

- Giúp mỗi người mở rộng và cập nhật vốn kiến thức, phát triển và hoàn thiện kĩ năng để có thể ứng phó với những biến đổi trong cuộc sống và nắm bắt được các cơ hội nghề nghiệp, việc làm....

2. Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử.

- Là những hoạt động quan trọng trong quá trình học tập, tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử.

- Dùng các nguồn thông tin, sử liệu thu thập được để khôi phục, giải thích, đánh giá sự kiện lịch sử, từ đó có những phát hiện mới làm giàu tri thức cho nhân loại.



* Tri thức lịch sử có 2 dạng:

- Dạng văn bản, tranh ảnh, mô hình, sơ đồ.....
- Những kinh nghiệm, nhận thức trong cuộc sống và thực tế để lại.

3. Kết nối tri thức, bài học lịch sử vào cuộc sống

- Lịch sử cung cấp cho con người những kinh nghiệm quý báu của người xưa trong cuộc sống, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Học lịch sử là học được những cái hay, cái đẹp và những tấm gương tốt từ những nhân vật, sự kiện lịch sử để lại.
- Lịch sử cho biết về những giá trị truyền thống và văn hóa mỗi quốc gia, dân tộc. Nhắc ta luôn nhớ về cội nguồn dân tộc.
- Giúp mỗi chúng ta tiếp tục làm nên lịch sử, để hướng tới tương lai.

CHƯƠNG II - Bài 2: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC.

I. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

1. Mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

- Di sản văn hóa là những sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Sử học nghiên cứu, phục dựng lại bức tranh hiện thực lịch sử. Kết quả nghiên cứu của Sử học khẳng định **giá trị** của các di sản văn hóa, là cơ sở bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị của các di sản đó.

2. Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

- Là hoạt động lưu giữ, bảo vệ và lan tỏa các giá trị của những di sản văn hóa từ thế hệ trước để lại.
=> hạn chế cũng như khắc phục có hiệu quả những tác động tiêu cực của điều kiện tự nhiên, của con người, góp phần kéo dài tuổi thọ của di sản.
- Đối với loại hình di sản văn hóa phi vật thể, dễ bị tổn thương nhất, nhờ công tác bảo tồn di sản thông qua những giải pháp khác nhau mà di sản được tái tạo, giữ gìn và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên còn để nhắc nhở con người luôn hướng về nguồn cội dân tộc, có ý thức trách nhiệm với thế hệ trước, với hiện tại và tương lai.
- Đảm bảo sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, dân tộc, góp phần đem lại những hiệu quả thiết thực cho sự phát triển kinh tế, xã hội.

II. Sử học với sự phát triển du lịch

1. Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch

- Các di tích lịch sử - văn hóa là tài nguyên du lịch có sức hấp dẫn to lớn, là động lực thu hút ngày càng nhiều du khách trong nước và quốc tế.
- Du lịch khai thác các di sản văn hóa, lịch sử, giúp con người hưởng thụ giá trị của di sản thiên nhiên và di sản văn hóa => phát huy, bảo tồn di sản văn hóa tạo điều kiện cho du lịch phát triển.

2. Vai trò của du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá

- Quảng bá hình ảnh và những giá trị của di sản đến nhân loại.
- Du khách được tận mắt chiêm ngưỡng, trải nghiệm và cảm nhận các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng, hiểu biết thêm giá trị các di sản văn hóa nơi mình đến.

- Du lịch chính là nguồn động lực thúc đẩy sự tăng cường bảo tồn và phát huy những giá trị di tích lịch sử-văn hóa của địa phương, dân tộc.
- Du lịch văn hóa phát triển vừa tạo ra việc làm, thu nhập cho người lao động, vừa tạo nguồn lực kinh tế để bảo tồn và phát huy giá trị các di sản.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI
THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI
Bài 3. KHÁI NIỆM VĂN MINH

I. Khái niệm văn minh.

1. Khái niệm văn minh: Văn minh là trạng thái tiến bộ cả vật chất và tinh thần của xã hội loài người ở một giai đoạn nhất định. Là trạng thái phát triển cao của nền văn hóa và đối lập với nó là dã man, nguyên thủy.

=> Văn minh có mối liên hệ chặt chẽ với văn hóa.

2. Phân biệt văn hoá, văn minh:

- Văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử.
- Văn hóa có trước, văn minh có sau. Văn hóa có thời gian tồn tại lâu hơn.

Bài 4: VĂN MINH AI CẬP THỜI CỔ ĐẠI

1. Những thành tựu văn minh cơ bản

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết	- Vào khoảng hơn 3000 năm TCN người Ai Cập cổ đại đã sáng tạo ra chữ tượng hình (khoảng 1000 chữ) - một trong những hệ thống chữ viết cổ nhất thế giới => Thể hiện trình độ tư duy cao của người Ai Cập. - Họ khắc trên đá, xương thú, vải gai, da thú, gỗ và giấy Pa-pi-rút. Họ biết lấy cây sậy làm bút. * Ý nghĩa: Ghi chép lịch sử, từ đó thế hệ sau có thể hiểu về lịch sử thế giới cổ đại.
Khoa học tự nhiên	- Thiên văn học và phép tính lịch: Xác định được thời gian, vẽ được bản đồ 12 cung Hoàng đạo, biết được các sao Kim, Thủy, Thổ, Hỏa, Mộc, làm ra Dương lịch cổ, tính được 1 năm có 365 ngày chia thành 12 tháng..... - Toán học: Họ rất giỏi hình học, tính ra số Pi= 3,16, tính được thể tích, diện tích 1 số hình cơ bản, sáng tạo ra chữ số (tượng hình).. - Y học: Có tục ướp xác nên họ rất hiểu về cơ thể con người. - Kỹ thuật: Biết tạo ra con lặn, đóng thuyền lớn đi biển, chế tạo vũ khí, chế tạo thủy tinh màu....
Kiến trúc điêu khắc	- Cung điện, đền thờ và Kim Tự Tháp là các loại hình kiến trúc tiêu biểu nhất của Ai Cập cổ đại. - Trong các đền đài, lăng mộ người Ai Cập thường điêu khắc, trang trí rất tinh xảo các tượng và các bức hình ở trên tường, vách của đền thờ, cung điện.

	Nguyên nhân ra đời	ý nghĩa giá trị	Giá trị ảnh hưởng ở thời hiện đại
Chữ viết	- <i>Chữ viết: ghi chép và lưu giữ tri thức.</i>	Là phát minh quan trọng đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử loài người; là biểu hiện đầu tiên và cơ bản của nền văn minh, giúp ghi chép và lưu truyền các giá trị văn minh; là công cụ truyền đạt, tiếp thu tri thức từ thế hệ này sang thế hệ khác một cách chính xác. Tiêu chí đánh dấu con người bước vào thời	- <i>Ghi chép lịch sử, từ đó thế hệ sau có thể hiểu về lịch sử thế giới cổ đại.</i> - <i>Là tư liệu quý giá để nghiên cứu về lịch sử văn học, thiên văn, toán học của Ai Cập cổ đại.</i> - <i>Giúp phát triển nhiều</i>

		đại văn minh	<i>lĩnh vực nghiên cứu ai cập thời hiện đại</i>
Khoa học tự nhiên	- Thiên văn học và lịch pháp ra đời do nhu cầu sản xuất nông, nghiệp, tính thời gian mùa vụ - Toán học đo đạc ruộng đất, tính toán, xây dựng, đời sống - Y học, kỹ thuật.	Tính được thời gian để gieo trồng thu hoạch tính toán trong sản xuất xây dựng mua bán... xây dựng được các công trình lớn: Kim tự tháp, Đống thuyền lớn đi biển, chế tạo vũ khí ướp xác... Để lại nhiều kinh nghiệm quý cho bước phát triển cao hơn ở thời kỳ sau.	Thành tựu có giá trị và ảnh hưởng đến thời hiện đại: - Thiên văn học và lịch pháp. - Kiến trúc và điêu khắc. - Y học. - Kỹ thuật ướp xác - Toán học
Kiến trúc và điêu khắc	Pharaoh xây dựng để thể hiện quyền uy, tối thượng làm lăng mộ, tạc tượng.	- Kỳ tích lao động, tài năng, sức sáng tạo của con người “Mọi vật đều sợ thời gian nhưng thời gian phải nghiêng mình trước kim tự tháp”.	<i>Có giá trị cao về điện ảnh, lịch sử, kiến trúc, điêu khắc, du lịch...</i>

2. Ý nghĩa của những thành tựu văn minh cơ bản

- Ai Cập là một trong những cái nôi đầu tiên và sớm nhất của văn minh nhân loại, đã để lại nhiều giá trị lịch sử sâu sắc cho thời đại ngày nay.
- Đánh dấu sự sáng tạo kì diệu, sức mạnh phi thường và trí tuệ thông minh của con người trong quá trình chinh phục tự nhiên và phát triển xã hội.

B. TRẮC NGHIỆM

Chương 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Hiện thực lịch sử là tất cả những

- A. điều đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại theo ý muốn của con người.
- B. điều đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại một cách khách quan, độc lập.
- C. hiện tượng siêu nhiên tác động đến tiến trình phát triển loài người.
- D. nhân vật trong quá khứ có đóng góp cho sự phát triển của nhân loại.

Câu 2: Tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại một cách khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người được gọi là

- A. hiện thực lịch sử.
- B. tư duy lịch sử.
- C. nhận thức lịch sử.
- D. khám phá lịch sử.

Câu 3: Nội dung nào sau đây **không** đúng về khái niệm lịch sử?

- A. Những gì đã diễn ra trong quá khứ của xã hội loài người.
- B. Những nhận thức, hiểu biết của con người về quá khứ.
- C. Khoa học nghiên cứu về sự tương tác của con người với xã hội.
- D. Sự tưởng tượng của con người về xã hội tương lai.

Câu 4: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng hiện thực lịch sử?

- A. Những nhận thức và hiểu biết của con người về quá khứ.
- B. Những câu chuyện kể hoặc tác phẩm ghi chép về lịch sử.
- C. Ngành khoa học nghiên cứu về quá khứ của con người.
- D. Những sự kiện xảy ra trong quá khứ, tồn tại khách quan.

Câu 5: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đặc điểm của hiện thực lịch sử?

- A. Có trước lịch sử được con người nhận thức
- B. Không phụ thuộc vào ý muốn của con người
- C. Có tính duy nhất và không thể thay đổi được.
- D. Được trình bày theo nhiều cách khác nhau.

Câu 6: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng lịch sử được con người nhận thức?

- A. Những suy nghĩ và hiểu biết của con người về quá khứ.

- B. Những tưởng tượng của con người về xã hội tương lai
- C. Những hiện vật, di tích lịch sử được con người phát hiện
- D. Những sự kiện xảy ra trong quá khứ, tồn tại khách quan.

Câu 7: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của nhận thức lịch sử?

- A. Nhận thức lịch sử luôn phản ánh đúng hiện thực lịch sử.
- B. Nhận thức lịch sử không thể tái hiện đầy đủ hiện thực lịch sử.
- C. Nhận thức lịch sử thường lạc hậu hơn hiện thực lịch sử.
- D. Nhận thức lịch sử độc lập, khách quan với hiện thực lịch sử.

Câu 8: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm khác biệt của lịch sử được con người nhận thức so với hiện thực lịch sử?

- A. Có tính đa dạng và có thể thay đổi theo thời gian
- B. Được tái hiện duy nhất thông qua các bản ghi chép
- C. Không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan con người
- D. Không chịu sự chi phối của mục đích nghiên cứu

Câu 9: Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân khiến lịch sử được con người nhận thức có sự khác nhau?

- A. Mục đích nghiên cứu
- B. Phương pháp nghiên cứu
- C. Hiện thực lịch sử
- D. Nguồn sử liệu

Câu 10. Ngày 2 – 9 – 1945 , tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự kiện này là kết quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình.

Đoạn tư liệu phản ánh nội dung nào của khái niệm lịch sử?

- A. Tư liệu gốc phục vụ việc nghiên cứu và học tập lịch sử.
- B. Tất cả những tri thức về lịch sử đã được nhận thức lại.
- C. Tất cả những tri thức về quy luật lịch sử được đúc kết lại.
- D. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

Câu 11: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng khái niệm Sử học?

- A. Là những câu chuyện kể về nguồn gốc loài người
- B. Là khoa học nghiên cứu về quá khứ loài người
- C. Là những tưởng tượng của con người về tương lai
- D. Là nghiên cứu về sự hình thành và phát triển của vũ trụ

Câu 12: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đối tượng nghiên cứu của Sử học?

- A. Những hoạt động của con người trong quá khứ.
- B. Quá trình hình thành và phát triển của vũ trụ.
- C. Những hoạt động của con người trong tương lai.
- D. Quá trình tiến hóa của các sinh vật trên Trái Đất.

Câu 13: Nội dung nào sau đây **không** phải là đối tượng nghiên cứu của Sử học?

- A. Quá trình hình thành, phát triển, suy vong của một dân tộc.
- B. Quá trình hoạt động, đóng góp của một cá nhân trong quá khứ
- C. Hoạt động ngoại giao của một quốc gia trong quá khứ
- D. Những hiện tượng tự nhiên xảy ra trong quá khứ.

Câu 14. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Sử học là

- A. khám phá đại dương.
- B. hội nhập quốc tế.
- C. giáo dục, nêu gương.
- D. chinh phục vũ trụ.

Câu 15: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về đối tượng nghiên cứu của Sử học?

- A. Những hoạt động của con người trên lĩnh vực chính trị, quân sự.
- B. Toàn bộ những hoạt động của con người diễn ra trong quá khứ
- C. Toàn bộ những hoạt động của con người từ thời cổ đại đến cận đại.
- D. Những hoạt động của con người từ khi xuất hiện chữ viết đến nay.

Câu 16: Nội dung nào sau đây **không** phải là chức năng của Sử học?

- A. Khôi phục các sự kiện lịch sử diễn ra trong quá khứ

- B. Rút ra bản chất và các quy luật vận động của lịch sử
- C. Giáo dục tình yêu thiên nhiên và bảo vệ môi trường
- D. Rút ra những bài học kinh nghiệm cho cuộc sống hiện tại

Câu 17: Một trong những chức năng cơ bản của Sử học là

- A. khôi phục hiện thực lịch sử thông qua tưởng tượng.
- B. tái tạo lại các biến cố lịch sử thông qua thí nghiệm.
- C. khôi phục hiện thực lịch sử một cách khách quan.
- D. cung cấp tri thức cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên.

Câu 18: “Khôi phục lại hiện thực lịch sử một cách chính xác, khách quan” là chức năng nào sau đây của Sử học?

- A. Khoa học
- B. Xã hội
- C. Giáo dục
- D. Dự báo

Câu 19: “Giúp con người hiểu được các quy luật phát triển của xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm cho cuộc sống hiện tại” là chức năng nào sau đây của Sử học?

- A. Khoa học
- B. Xã hội
- C. Giáo dục
- D. Dự báo

Câu 20: Nhiệm vụ nhận thức của Sử học được thể hiện ở nội dung nào sau đây?

- A. Cung cấp các tri thức khoa học về lịch sử
- B. Giáo dục tư tưởng, tình cảm cho con người
- C. Dự báo về tương lai của đất nước, nhân loại
- D. Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc

Câu 21. Một trong những chức năng quan trọng của Sử học là

- A. thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa.
- B. thúc đẩy xu thế hội nhập quốc tế.
- C. khôi phục hiện thực lịch sử.
- D. tìm hiểu quá trình biến đổi tự nhiên.

Câu 22. Một trong những lí do cần khám phá lịch sử suốt đời là giúp mỗi người

- A. bắt kịp những công nghệ mới.
- B. làm giàu trí thức cho bản thân.
- C. hoàn thiện năng lực thẩm mỹ.
- D. hoàn thiện năng lực tính toán.

Câu 23: Nội dung nào **không** phản ánh đúng lý do cần thiết phải học tập, khám phá lịch sử suốt đời?

- A. Tri thức lịch sử có sự biến đổi và phát triển không ngừng
- B. Nhiều sự kiện lịch sử trong quá khứ chưa được làm sáng tỏ
- C. Nhu cầu đúc rút kinh nghiệm quá khứ cho cuộc sống hiện tại
- D. Học tập lịch sử là cách duy nhất để hội nhập quốc tế thành công

Câu 24: Học tập và tìm hiểu lịch sử giúp đưa lại những cơ hội nghề nghiệp mới trên lĩnh vực nào?

- A. Công nghệ thông tin
- B. Chế biến thủy sản
- C. Công nghiệp văn hóa
- D. Xuất khẩu dầu mỏ

Câu 25. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với cuộc sống ?

- A. Góp phần hình thành lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.
- B. Giúp những người hiểu về lịch sử đều trở thành nhà sử học
- C. Đặt cơ sở cho sự ra đời của mọi ngành khoa học.
- D. Giúp giải quyết được mọi mâu thuẫn trong xã hội.

Câu 26. Toàn bộ những tri thức, hiểu biết, suy nghĩ của con người về quá khứ được gọi là

- A. hiện thực khách quan lịch sử.
- B. lịch sử được con người nhận thức.
- C. cách thức sưu tầm lịch sử.
- D. phương pháp nghiên cứu lịch sử.

Câu 27. Đối tượng nghiên cứu của Sử học mang đặc điểm nào sau đây?

- A. Phổ cập.
- B. Toàn diện.
- C. Tâm linh.
- D. Hiện đại.

Câu 28: Toàn bộ những hình thức khác nhau của tư liệu lịch sử, chứa đựng những thông tin về quá khứ loài người được gọi là

- A. sử liệu
- B. truyền thuyết
- C. ngữ liệu
- D. văn bản

Câu 29. Một trong những khâu quan trọng trong nghiên cứu, học tập, tìm hiểu lịch sử là

- A. hạch toán kinh doanh.
- B. thu thập nguồn sử liệu.
- C. xây dựng phiếu điều tra.
- D. tiến hành thí nghiệm

Câu 30: Lập danh mục sử liệu cần sưu tầm; tìm kiếm, thu thập thông tin liên quan đến đối tượng tìm hiểu là các bước cơ bản của quá trình

- A. xử lý thông tin sử liệu
B. tiến hành thí nghiệm lịch sử

- C. sưu tầm, thu thập sử liệu
D. xác minh, đánh giá sử liệu

Câu 31: Phân loại, đánh giá, thẩm định, so sánh nguồn sử liệu là các bước cơ bản của quá trình

- A. xử lý thông tin sử liệu
B. tiến hành thí nghiệm lịch sử

- C. sưu tầm, thu thập sử liệu
D. tìm hiểu các di chỉ khảo cổ

Câu 32. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quy trình thu thập và xử lý thông tin sử liệu trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử?

A. Xác định vấn đề => Sưu tầm sử liệu => Chọn lọc, phân loại => Xác định, đánh giá.

B. Xác định vấn đề => Chọn lọc, phân loại => Xác định, đánh giá => Sưu tầm sử liệu.

C. Sưu tầm sử liệu => Chọn lọc, phân loại => Xác định, đánh giá => Xác định vấn đề.

D. Sưu tầm sử liệu => Chọn lọc, phân loại => Xác định vấn đề => Xác định, đánh giá.

Câu 33. Những bài học kinh nghiệm trong lịch sử có giá trị như thế nào đối với cuộc sống hiện tại và tương lai của con người?

A. Giúp con người kế thừa mọi yếu tố trong quá khứ.

B. Giúp con người làm chủ hoàn toàn cuộc sống tương lai.

C. Giúp con người tránh lặp lại sai lầm trong quá khứ.

D. Là yếu tố quyết định đến tương lai của con người.

Câu 34: Trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử, việc xác minh, đánh giá nguồn sử liệu là một khâu quan trọng nhằm mục đích nào sau đây?

A. Xác định danh sách các nguồn sử liệu cần thu thập

B. Xác định độ tin cậy và giá trị của các nguồn sử liệu

C. Ghi chép thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu

D. Chọn lọc và phân loại các nguồn sử liệu phù hợp

Câu 35: Nội dung nào sau đây không phải là hình thức để học tập, khám phá lịch sử?

A. Tham quan các bảo tàng

B. Xem các phim lịch sử

C. Khám phá các đại dương

D. Tham quan khu lưu niệm

Câu 36: Nội dung nào phản ánh **đúng** mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống hiện tại?

A. Lịch sử giúp con người hiểu rõ hơn những vấn đề thời sự trong nước và quốc tế

B. Kiến thức lịch sử giúp con người thay đổi được quá khứ để hướng tới tương lai

C. Kiến thức lịch sử là yếu tố quyết định thành công của con người trong công việc

D. Lịch sử là nhân tố quyết định sự phát triển khoa học kỹ thuật của một quốc gia

Câu 37. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với cuộc sống ?

A. Góp phần hình thành lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.

B. Giúp con người tránh được những sai lầm trong quá khứ.

C. Giúp các dân tộc thu hẹp khoảng cách phân hóa giàu nghèo.

D. Giúp phát huy những di sản quý báu trong cuộc sống hiện tại.

Câu 38: Cần học tập lịch sử suốt đời vì tri thức lịch sử

A. liên quan và ảnh hưởng quyết định đến tất cả mọi sự vật, hiện tượng.

B. chưa hoàn toàn chính xác, cần sửa đổi và bổ sung thường xuyên.

C. rất rộng lớn và đa dạng, lại biến đổi và phát triển không ngừng

D. giúp cá nhân hội nhập nhanh chóng vào cuộc sống hiện đại

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 39: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đầu tháng 8 – 1945, quân đội Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống thành phố Hi – rô – si – ma và Na – ga – xa – ki của Nhật Bản. Đây là một hiện thực lịch sử, nhưng đến nay, hiện thực lịch sử này vẫn còn những nhận thức, đánh giá trái chiều:

Luồng ý kiến thứ nhất: Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản làm cho Chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt sớm hơn nhiều tháng, hạn chế thiệt hại sinh mạng cho các bên tham chiến.

Luồng ý kiến thứ hai: Mỹ không cần thiết phải ném bom nguyên tử. Đó là tội ác chiến tranh, là hành vi tàn bạo chống lại lịch sử loài người.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh điều, tr. 4)

- a. Hiện thực lịch sử là đầu tháng 8 – 1945, quân đội Mỹ ném bom nguyên tử xuống hai thành phố lớn của Nhật Bản.
- b. Nhận thức “Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản hạn chế thiệt hại sinh mạng cho các bên tham chiến” có trước sự kiện Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản.
- c. Nhận thức “Mỹ không cần thiết phải ném bom nguyên tử. Đó là tội ác chiến tranh” có sau sự kiện Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản.
- d. Sự kiện Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản được nhận thức giống nhau và khách quan.

Câu 40: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước hàng vạn quần chúng nhân dân, chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước VNDCCH, đánh dấu thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945.

Nhận xét về sự kiện lịch sử này, có hai luồng ý kiến trái ngược nhau:

Luồng ý kiến thứ nhất cho rằng đây là kết quả của quá trình kết hợp nhuần nhuyễn những điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi.

Luồng ý kiến thứ hai cho rằng, cách mạng tháng Tám thành công là nhờ ăn may.

- a. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội), chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập là hiện thực lịch sử.
- b. Cách mạng tháng Tám “là kết quả của quá trình kết hợp nhuần nhuyễn những điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi” là lịch sử được con người nhận thức.
- c. Một trong những nguyên nhân dẫn đến nhận thức về sự kiện cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công có sự khác nhau là do quan điểm tiếp cận khác nhau.
- d. Tất cả những nhận thức về sự kiện cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công đều khách quan, trung thực, phản ánh đúng bản chất sự kiện.

Câu 41: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Bia tưởng niệm thủ lĩnh La - pu - la - pu (Xê - bu, Philippin) có viết: Tại nơi đây, vào ngày 27/4/1521, La - pu - la - pu và người dân địa phương đã đẩy lui quân xâm lược Tây Ban Nha và giết chết viên chỉ huy là Phéc - đi - năng Ma-gien - lăng. Do đó, La-pu-la-pu đã trở thành người Philippin đầu tiên đánh đuổi quân xâm lược châu Âu.

Bia tưởng niệm Ma - gien - lăng (Xê - bu, Philippin) có viết: Tại nơi đây, trong cuộc đụng độ với các chiến binh của La-pu-la-pu – thủ lĩnh đảo Mác-tan, Ma-gien - lăng đã chết vào ngày 27/4/1521. Vích - to - ri - a, một trong những con tàu của đoàn thám hiểm do Gioan Xê - bát - ti - an Ê - ca - nô chỉ huy đã rời Xê - bu vào ngày 1/5/1521, trở về Xan Lu - ca đờ Ba - ra - mê - đa (Tây Ban Nha) vào ngày 6/9/1522 và hoàn thành chuyến đi vòng quanh thế giới đầu tiên bằng đường biển

(Dẫn theo *Sách giáo khoa Lịch sử 10*, bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr. 8)

- a. Cả hai tấm bia tưởng niệm đều đề cập đến một sự kiện lịch sử diễn ra vào ngày 27/4/1521, liên quan đến hai nhân vật là La - pu - la - pu và Ma - gien - lăng.
- b. Theo tấm bia tưởng niệm La - pu - la - pu thì đội quân của Ma - gien - lăng là một đội quân đi xâm lược và La - pu - la - pu là một anh hùng đánh đuổi quân xâm lược.
- c. Theo tấm bia tưởng niệm Ma - gien - lăng thì đội quân của La - pu - la - pu là một đội quân đi xâm lược và Ma - gien - lăng là một anh hùng đánh đuổi quân xâm lược.
- d. Hai tấm bia tưởng niệm có sự khác nhau về nguồn sử liệu nhưng lại giống nhau về thế giới quan và quan điểm tiếp cận lịch sử.

Câu 42: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Vì sao mà làm quốc sử? Vì sử chủ yếu là để ghi chép sự việc. Có chính trị của một đời tất phải có sử một đời. Mà ngòi bút chép sử giữ nghị luận rất nghiêm, ca ngợi đời thịnh trị thì sáng tỏ ngang với mặt trời, mặt trăng, lên án kẻ loạn tặc thì gay gắt như sương thu lạnh buốt, người thiện biết có thể bắt chước, người ác biết có thể tự răn, quan hệ đến việc chính trị không phải là không nhiều. Cho nên làm sử là cốt để cho được như thế”.

(*Bài Tựa sách Đại Việt sử ký bản tục biên, Phạm Công Trứ*)

- a. Bài tựa sách của Phạm Công Trứ tóm tắt lại nội dung một tác phẩm văn học.

- b. Phạm Công Trứ khẳng định việc viết quốc sử chỉ nhằm giáo dục và nêu gương.
- c. Đoạn trích cung cấp tri thức về chức năng và nhiệm vụ của Sử học.
- d. Đoạn trích phản ánh các nội dung khác nhau của khái niệm lịch sử.

(Nguồn: Đề minh họa của Bộ Giáo dục – Đào tạo năm 2023)

Câu 43: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đại cáo bình Ngô là bài cáo được viết bằng chữ Hán, do Nguyễn Trãi soạn thảo năm 1428, thay lời Lê Lợi để tuyên cáo về việc đã giành thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, khẳng định nền độc lập của quốc gia Đại Việt. Văn bản này vừa có giá trị đặc biệt đối với Văn học, vừa giúp các nhà sử học tìm hiểu và trình bày lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn một cách sống động, chi tiết về thời gian, không gian, nhân vật và sự kiện.

- a. Đại cáo bình Ngô là bài cáo được viết bằng chữ Hán vào thế kỉ XVI.
- b. Đại cáo bình Ngô là tài liệu có giá trị lớn về lịch sử, văn học và tư tưởng.
- c. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chỉ có thể được khôi phục qua Đại cáo bình Ngô.
- d. Đại cáo bình Ngô là đối tượng nghiên cứu của một số ngành khoa học.

(Nguồn: Đề minh họa của Bộ Giáo dục – Đào tạo năm 2023)

Câu 44: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Nhận thức về đối tượng nghiên cứu của Sử học xuất hiện từ khi con người biết ghi chép về lịch sử. Nhưng trong xã hội có giai cấp, quan niệm về đối tượng của Sử học thường có sự khác biệt: Sử học phương Đông thời cổ - trung đại chủ yếu ghi chép về hoạt động của vua, quan, triều đình,...; Sử học mác – xít cho rằng lịch sử xã hội loài người là lịch sử của quần chúng, lịch sử của những phương thức sản xuất kế tiếp nhau.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr. 6)

- a. Ngay từ khi xuất hiện, con người đã có nhận thức đúng đắn về đối tượng nghiên cứu của Sử học.
- b. Trong thời kì cổ - trung đại, Sử học phương Đông thường thiên về ghi chép những chuyện liên quan đến nhà vua và triều đình mà ít chú ý đến đối tượng quần chúng.
- c. Nhận thức về đối tượng của Sử học có sự khác nhau giữa thời kì cổ - trung đại với thời kì hiện đại.
- d. Theo quan điểm của Sử học mác – xít, đối tượng nghiên cứu của lịch sử là toàn bộ hoạt động của con người diễn ra trong quá khứ.

Câu 45: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại rằng, “đứng trước khả năng phải bắt buộc cầm súng đánh thực dân, Bác Hồ sai người đi tìm cuốn Việt Nam sử lược – khi đó là cuốn sách duy nhất biên soạn mạch lạc về lịch sử nước nhà để trao cho các vị lãnh đạo cuộc kháng chiến đọc. Không chỉ chí khí của người xưa mà nhiều bài học về cách đánh và cách thắng của ông cha chúng ta đem lại những tri thức rất bổ ích cho cuộc chiến đấu ở thế kỉ XX”.

(Dương Trung Quốc, *Võ Nguyên Giáp dưới góc nhìn của người viết sử*, Báo Tuổi trẻ ngày 6 – 5 – 2004)

- a. Đoạn tư liệu nhấn mạnh quan điểm của Võ Nguyên Giáp về vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Lịch sử trong việc giáo dục truyền thống yêu nước cho nhân dân.
- b. Toàn bộ cuộc chiến đấu của nhân dân ta trong thế kỉ XX chỉ có thể được khôi phục lại qua cuốn Việt Nam sử lược.
- c. Một trong những chức năng của Sử học được nhắc đến trong đoạn tư liệu trên chính là giúp thế hệ sau có nhiều bài học kinh nghiệm quý báu để chiến đấu chống thực dân
- d. Chức năng xã hội của cuốn Việt Nam sử lược được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là “biên soạn mạch lạc về lịch sử nước nhà”.

Câu 46: Đọc hai đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Sử để ghi việc, mà việc hay hoặc dở đều dùng làm gương răn cho đời sau”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.101)

Tư liệu 2:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

(Hồ Chí Minh, *Lịch sử nước ta*, 1942)

- a. Đoạn tư liệu 1 vừa phản ánh chức năng khoa học, vừa phản ánh chức năng xã hội của Sử học.

b. "...việc hay hoặc dở đều dùng làm gương răn cho đời sau" phản ánh nhiệm vụ cung cấp tri thức khoa học của Sử học.

c. Ở đoạn tư liệu 2, Hồ Chí Minh khuyến khích nhân dân ta nên tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử nước nhà.

d. Ý nghĩa sâu xa của cả hai đoạn tư liệu là đều nhấn mạnh tầm quan trọng của tri thức lịch sử đối với một quốc gia, dân tộc.

Câu 47: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Câu chuyện "Thôi Trữ giết vua"

Thời Chiến Quốc, Tề Trang Công bị Thôi Trữ là quan đại phu nước Tề giết chết. Thôi Trữ lệnh cho Thái sử Bá (quan chép sử) viết: "Tề Trang Công chết do bị sốt rét", để che giấu sự thật. Thái sử Bá không chịu, kiên quyết viết rằng: "Thôi Trữ giết vua Quang (tức Tề Trang Công)". Thôi Trữ nổi giận, giết chết Thái sử Bá.

Thái sử Bá có ba người em trai là Trọng, Thúc, Quý. Trọng và Thúc được gọi đến và cũng chép vào sách sử câu chữ đúng như người anh đã viết. Thôi Trữ lại giết Trọng và Thúc. Còn lại Quý cũng cầm lấy thẻ sách viết đúng như câu của ba người anh.

Thôi Trữ cầm sách xem, hỏi Quý: "Ba người anh của nhà ngươi đều vì câu này mà bị giết chết, lẽ nào ngươi không biết quý tiếc mạng sống của mình sao?"

Quý ung dung đáp rằng: "Viết đúng sự thật là chức trách của quan chép sử. Nếu vì cầu sống mà làm chuyện sai trái, vậy thân thà chết còn hơn!"

Thôi Trữ nghe xong đành trả lại thẻ sách cho Quý và không giết ông nữa.

(Theo Khổng Tử, *Xuân Thu tam truyện*, Tập 4, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr.168 – 170)

a. Các quan chép sử nhà Tề có hành động giống hệt nhau là viết đúng sự thật Thôi Trữ giết vua vào sử sách.

b. Câu chuyện cho thấy nguyên tắc trung thực, khách quan trong ghi chép Sử có thể được vận dụng linh hoạt cho từng tình huống.

c. Thái sử Bá, Thái sử Trọng có nguyên tắc ghi chép sử khác với Thái sử Thúc và Thái sử Quý.

d. Câu chuyện có tác dụng giáo dục, nêu gương lớn đối với những người nghiên cứu lịch sử hiện nay.

Câu 48. Đọc đoạn tư liệu sau:

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Chúng ta nên nhìn lại những đoạn đường đã qua, rút ra những kinh nghiệm quý báu và ấn định đúng đắn những nhiệm vụ cách mạng hiện nay và sắp tới để giành lấy những thắng lợi to lớn hơn nữa, vẻ vang hơn nữa".

(*CT. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 10, NXB CT QG.H.1996, Tr 7*)

a. Đoạn trích trên Hồ Chí Minh đang nói về nội dung tác phẩm văn học.

b. Đoạn trích trên đề cập đến một trong những nhiệm vụ của sử học.

c. Hồ Chí Minh khẳng định viết lịch sử chỉ nhằm mục đích nêu gương.

d. Đề cập đến nhiệm vụ giáo dục để giúp con người hiểu biết chính xác những sự kiện đã diễn ra trong quá khứ.

Câu 49. Đọc đoạn tư liệu sau:

Lê nin đã khẳng định rằng: "Lịch sử xã hội loài người là một quá trình thống nhất và bị những quy luật chi phối, mặc dù quá trình đó cực kì phức tạp và có rất nhiều mâu thuẫn"

(*Lê nin. Mác – Ăng ghen: Chủ nghĩa Mác, NXB Sự thật, HN. 1962, Tr.20*)

a. Đoạn tư liệu trên nói về nội hàm khái niệm lịch sử

b. Lịch sử luôn tồn tại 1 cách khách quan.

c. Nói về chức năng, nhiệm vụ của sử học

d. Đề cập đến phương pháp nghiên cứu của lịch sử

Câu 50. Đọc đoạn tư liệu sau

"Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam"

Dân ta phải biết sử ta. Sử ta dạy cho ta những chuyện về vang của tổ tiên ta. Dân ta là con Rồng, cháu Tiên, có nhiều người tài giỏi đánh bức dẹp nam, yêu dân trị nước tiếng để muôn đời.

(*Nên học sử ta. Tập 3, Tr.216-217*)

- a. Đoạn trích trên nói về mục đích của việc học tập nghiên cứu lịch sử.
- b. Đoạn trích trên nói về chức năng giáo dục của lịch sử.
- c. Đoạn trích trên phản ánh nội dung của khái niệm lịch sử.
- d. Đoạn trích trên nói về phương pháp nghiên cứu lịch sử.

Câu 51. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Đảng ta vĩ đại như biển rộng, núi cao
Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết bao ân tình
Đảng ta là đạo đức, là văn minh
Là thống nhất, độc lập, là hòa bình ấm no
Công ơn Đảng thật là to

Ba mươi năm lịch sử Đảng là cả một pho lịch sử bằng vàng”

(Bài nói tại lễ kỉ niệm 10 năm ngày thành lập Đảng, tập 10, Tr.5)

- a. Đoạn trích trên nói về mục đích của việc học tập, nghiên cứu lịch sử.
- b. Đoạn trích trên nói về tri thức lịch sử rất rộng lớn, đa dạng.
- c. Đoạn trích trên phản ánh nội dung của khái niệm lịch sử.
- d. Đoạn trích trên nói về phương pháp nghiên cứu lịch sử.

Câu 52. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Lịch sử của xã hội do con người lao động tạo ra sự phát triển của lịch sử là quy luật không ai ngăn cản được.

Chế độ công sản nguyên thủy biến đổi thành chế độ nô lệ. Chế độ nô lệ biến đổi thành chế độ phong kiến. Chế độ phong kiến biến đổi thành chế độ tư bản chủ nghĩa. Chế độ tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ biến đổi thành chế độ xã hội chủ nghĩa”.

(CT. Hồ Chí Minh nói chuyện với các anh em học viên, cán bộ công nhân viên trường Đại học nhân dân Việt Nam, Khóa III.tập 9, Tr.20)

- a. Đoạn trích trên đề cập đến đối tượng nghiên cứu của sử học. (Đ)
- b. Đối tượng của sử học mang tính toàn diện. (Đ)
- c. Đoạn trích trên nói về khái niệm của sử học. (S)
- d. Đoạn trích trên nói về chức năng của sử học. (S)

Câu 53. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Vi sao mà làm quốc sử? Vì sử chủ yếu là để ghi chép sự việc. Có chính trị của một đời tất phải có sử một đời. Mà ngòi bút chép sử giữ nghị luận rất nghiêm, ca ngợi đời thịnh trị thì sáng tỏ ngang với mặt trời, mặt trăng, lên án kẻ loạn lạc thì gay gắt như sương thu lạnh buốt, người thiện biết có thể bắt chước, người ác biết có thể tự răn đe, quan hệ đến việc chính trị không phải là không nhiều. Cho nên làm sử là cốt để được cho như thế”.

(Bài Tựa sách Đại việt sử ký bản tực biên, Phạm Công Trứ)

- a. Bài Tựa sách của Phạm Công Trứ tóm tắt nội dung một tác phẩm văn học.
- b. Phạm Công Trứ khẳng định việc viết quốc sử chỉ nhằm giáo dục và nêu gương.
- c. Đoạn trích cung cấp tri thức về chức năng và nhiệm vụ của sử học.
- d. Đoạn trích phản ánh các nội dung khác nhau của khái niệm lịch sử.

----- CHƯƠNG 2: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Di sản văn hóa là một bộ phận quan trọng của

- A. toán học
- B. lịch sử
- C. công nghệ
- D. kĩ thuật

Câu 2: Di sản văn hoá là những sản phẩm tinh thần, vật chất, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, có giá trị

- A. lịch sử, văn hoá.
- B. kinh tế, chính trị.
- C. luật pháp, văn hoá.
- D. khoa học, công nghệ.

Câu 3: Ngành khoa học nào sau đây góp phần quan trọng trong bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản văn hóa phi vật thể?

- A. Sinh vật học.
- B. Sử học.
- C. Y học.
- D. Giải phẫu học.

Câu 4: Nội dung nào sau đây **không** phải là biểu hiện về mối quan hệ giữa Sử học với di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học quyết định sự tồn tại của tất cả các di sản.
- B. Di sản là nguồn sử liệu cho nghiên cứu lịch sử.
- C. Sử học góp phần quảng bá hình ảnh di sản tới cộng đồng.
- D. Sử học góp phần xác định đúng các giá trị của mỗi di sản.

Câu 5: Các loại hình di sản văn hóa có ý nghĩa nào sau đây đối với lĩnh vực Sử học?

- A. Quyết định nhất đối với sự tồn tại và phát triển của Sử học.
- B. Quyết định chính sách của Nhà nước đối với khoa học lịch sử.
- C. Là nguồn tư liệu và cơ sở để nghiên cứu, tái hiện lại lịch sử.
- D. Là nguồn sử liệu phi chính thống trong nghiên cứu lịch sử.

Câu 6: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của các loại hình di sản văn hoá đối với nghiên cứu lịch sử?

- A. Là nguồn sử liệu duy nhất để tái hiện lại lịch sử.
- B. Là nguồn sử liệu phi chính thống để tham khảo.
- C. Là nguồn sử liệu thành văn có giá trị khoa học cao
- D. Là nguồn sử liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử.

Câu 7: Nội dung nào sau đây là biểu hiện về mối quan hệ giữa Sử học với di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học quyết định sự tồn tại của tất cả các di sản văn hóa
- B. Di sản là nguồn sử liệu thành văn cho nghiên cứu lịch sử.
- C. Nghiên cứu Sử học tạo cơ sở khoa học cho bảo tồn di sản.
- D. Di sản quyết định trực tiếp sự tồn tại của khoa học lịch sử.

Câu 8: Giá trị lịch sử của di sản được giữ gìn thông qua việc

- A. kiểm kê.
- B. bảo tồn.
- C. xây dựng.
- D. làm mới.

Câu 9: Nội dung nào sau đây **không** phải là vai trò của Sử học đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của di sản.
- B. Sử học giúp xác định đúng vị trí, vai trò và ý nghĩa của di sản.
- C. Sử học cung cấp thông tin phục vụ việc bảo tồn, phát huy di sản.
- D. Sử học trực tiếp quyết định chính sách bảo tồn, phát huy di sản.

Câu 10: Điều cốt lõi trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa là phải đảm bảo tính

- A. kế thừa.
- B. nguyên trạng.
- C. tái tạo.
- D. nhân tạo.

Câu 11: Phát huy giá trị di sản là

- A. Giữ nguyên dạng giá trị của di sản như ban đầu.
- B. Giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có.
- C. Sử dụng hiệu quả giá trị của di sản trong đời sống.
- D. Khắc phục tác động xấu từ bên ngoài lên di sản.

Câu 12. Cơ sở khoa học cho công tác xác định giá trị, bảo tồn và phát huy giá trị đích thực của di sản là kết quả nghiên cứu của

- A. Sử học.
- B. Địa lí.
- C. Văn học.
- D. Toán học.

Câu 13: Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá **không** phải là hoạt động

- A. tiến hành xây mới các di tích, hiện đại hoá di tích.
- B. đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc.
- C. đem lại hiệu quả thiết thực phát triển kinh tế, xã hội.
- D. hình thành ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội

Câu 14: Nội dung nào sau đây phản ánh **không đúng** vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên?

- A. Là cách duy nhất để quảng bá lịch sử, văn hóa của đất nước ra bên ngoài.
- B. Góp phần khắc phục những tác động tiêu cực của tự nhiên đối với di sản.
- C. Góp phần gìn giữ và lưu truyền di sản văn hoá phi vật thể cho thế hệ sau.

D. Giáo dục con người nhớ về cội nguồn và trách nhiệm với tổ tiên, cộng đồng.

Câu 15: Nội dung nào phản ánh **đúng** vai trò của công tác bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể?

A. Góp phần khắc phục những tác động tiêu cực của tự nhiên đối với di sản.

B. Giúp giữ gìn và lưu truyền giá trị của di sản từ thế hệ này sang thế hệ khác.

C. Góp phần ngăn chặn tình trạng xuống cấp, biến dạng và hư hỏng của di sản.

D. Tạo nhân tố quyết định cho sự phát triển của kinh tế, xã hội của địa phương.

Câu 16: Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** vai trò của công tác bảo tồn các di sản thiên nhiên?

A. Hình thành ý thức hướng về cội nguồn. B. Giúp duy trì kỉ ức và bản sắc cộng đồng.

C. Góp phần giáo dục truyền thống yêu nước. D. Góp phần phát triển sự đa dạng sinh học.

Câu 17: Một trong những di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam là

A. Đàn ca tài tử Nam Bộ.

B. Hoàng thành Thăng Long.

C. Mộc bản triều Nguyễn.

D. phố cổ Hội An.

Câu 18: Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá là hoạt động

A. tìm kiếm, lưu giữ và bảo vệ các giá trị di sản. B. phát triển và lan toả các giá trị di sản.

C. lưu giữ, bảo vệ và lan toả các giá trị của di sản. D. quy hoạch, lưu giữ và bảo vệ các di sản.

Câu 19. Ngày 24 - 11 - 2005, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ra Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg, lấy ngày 23 - 11 hàng năm là “*Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam*” nhằm giáo dục và phát huy truyền thống nào sau đây của dân tộc ta?

A. Đoàn kết quyết tâm phấn đấu giữ vững những công trình văn hóa hiện đại.

B. Trung thực, tự tôn dân tộc và ý thức trách nhiệm của công dân toàn cầu.

C. Yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ di sản văn hóa.

D. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong công tác tôn tạo di sản văn hóa.

Câu 20. Lĩnh vực nào sau đây đóng vai trò quan trọng trực tiếp đối với sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa?

A. Thiên văn học.

B. Y học.

C. Sử học.

D. Địa lí.

Câu 21. Các di tích lịch sử - văn hóa của Việt Nam là một thế mạnh để phát triển

A. nông nghiệp bền vững.

B. chế biến nông sản.

C. du lịch.

D. lâm nghiệp.

Câu 22: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Du lịch là một lĩnh vực tăng trưởng tiềm năng cho nền kinh tế châu Âu, tạo ra hơn 10% GDP của EU và sử dụng lực lượng lao động khoảng hơn 10 triệu người. Các khía cạnh văn hóa chiếm khoảng 40% trong giá trị du lịch ở châu Âu. Di sản độc đáo bao gồm: bảo tàng, nhà hát, di tích khảo cổ học và các thành phố lịch sử... đã khiến châu lục này trở thành điểm du lịch chính”.

(Theo Phoxit Glô – bơn Vi – da, *Di sản độc đáo của châu Âu khiến châu lục này trở thành điểm đến du lịch chính*, tháng 3/2018)

Nội dung chủ đạo đoạn tư liệu đề cập đến là

A. vai trò của lịch sử - văn hoá đối với sự phát triển của du lịch.

B. tốc độ phát triển của ngành du lịch ở châu Âu trong tương lai.

C. vai trò của du lịch đối với công tác bảo tồn các di sản văn hóa.

D. vai trò của công tác bảo tồn các di sản văn hóa đối với du lịch.

Câu 23: Chọn từ cho sẵn dưới đây đặt vào chỗ chấm (...) để hoàn thành đoạn thông tin sau:

A. địa danh

B. tôn giáo

C. ẩm thực

D. sản phẩm du lịch

E. lịch sử.

Yếu tố hàng đầu của.....(1) chính là sức hấp dẫn của.....(2), bao gồm các yếu tố về.....(3), văn hoá truyền thống,.....(4), tín ngưỡng,.....(5), giải trí, sản phẩm thủ công mỹ nghệ,...

1. D 2. A 3. E 4. B 5. C

Câu 24: Cung cấp bài học kinh nghiệm, hình thành ý tưởng để lên kế hoạch, xây dựng chiến lược phát triển ngành du lịch là một trong những vai trò của ngành nào dưới đây?

A. Lịch sử và văn hóa.

B. Văn học và lịch sử.

C. Khảo cổ và văn học

D. Thiên văn và lịch sử.

Câu 25: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1990, tổng thu từ du lịch chỉ đạt 1340 tỉ đồng; Năm 2019 là 755 000 tỉ đồng (khoảng 32,8 tỉ USD), trong đó tổng thu từ du khách quốc tế đạt 421 000 tỉ đồng (18,3 tỉ USD). Ngành du lịch đã đóng góp 8,8 % GDP vào ngân sách quốc gia, giải quyết việc làm cho 5 triệu người lao động.”

(*Nguồn: Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2020*)

Đoạn tư liệu nhấn mạnh vai trò của ngành nào sau đây đối với sự phát triển kinh tế đất nước?

- A. Công nghiệp. B. Du lịch. C. Điện ảnh. D. Khai thác.

Câu 26: Trong việc phát triển du lịch, yếu tố nào sau đây có vai trò đặc biệt quan trọng?

- A. Kết quả hoạt động trong quá khứ của ngành du lịch.
B. Hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp.
C. Những giá trị về lịch sử, văn hoá truyền thống.
D. Sự đổi mới, xây dựng lại các công trình di sản.

Câu 27: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò của lịch sử - văn hóa đối với du lịch?

- A. Là di sản, tài nguyên quý giá để phát triển du lịch.
B. Tạo sức hấp dẫn to lớn để thu hút khách du lịch.
C. Giúp con người hưởng thụ giá trị của di sản văn hóa.
D. Là yếu tố quyết định duy nhất sự phát triển du lịch.

Câu 28: Du lịch phát triển có ý nghĩa như thế nào đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa?

- A. định hướng sự phát triển của Sử học trong tương lai.
B. Xác định chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử.
C. cung cấp bài học kinh nghiệm cho các nhà sử học.
D. quảng bá lịch sử, văn hoá cộng đồng ra bên ngoài.

Câu 29: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa?

- A. Góp phần quảng bá rộng rãi giá trị di tích lịch sử - văn hóa ra bên ngoài
B. Bồi đắp ý thức trách nhiệm bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa của cộng đồng
C. Tạo ra nguồn kinh phí hỗ trợ công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản.
D. Ngăn cản tác động xấu của thiên nhiên và con người lên các di sản văn hóa.

Câu 30: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc....”

(*Luật Du lịch Việt Nam, 2010*)

Theo Luật Du lịch Việt Nam năm 2010, địa danh nào **không** thuộc tài nguyên du lịch văn hóa?

- A. Cố đô Huế B. Thánh địa Mỹ Sơn C. Vịnh Hạ Long D. Dinh Độc Lập

Câu 31: Nội dung nào sau đây **không** phải là biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa?

- A. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.
B. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa.
C. Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di sản.
D. Làm mới hoàn toàn các di sản văn hóa bị xuống cấp.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 32: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Dân ca quan họ là loại hình văn hóa dân gian được hình thành từ lâu đời. Từ 49 làng Quan họ cổ, đến nay đã có 369 làng Quan họ thực hành, 381 câu lạc bộ Dân ca Quan họ với trên 10 000 người ở các độ tuổi tham gia (trong đó có hơn 600 người có khả năng truyền dạy cho lớp trẻ). Dân ca Quan họ là biểu tượng văn hóa trong quá trình hội nhập văn hóa quốc tế, đã lan ra khắp vùng Kinh Bắc và nhiều địa phương trên cả nước, phát triển mạnh trong cộng đồng kiều bào ở Đức, Pháp, Séc, Nga,...

Dân ca Quan họ đã được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2009). Sử học đã góp phần quan trọng vào bảo tồn và phát huy giá trị của Dân ca quan họ.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.13*)

a. Dân ca quan họ là một loại hình di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam đã được UNESCO ghi danh.

- b. Giá trị của dân ca Quan họ đã xác định đúng và được phát huy nhờ những nghiên cứu của Sử học.
- c. Việc phát triển các làng quan họ, các câu lạc bộ Dân ca Quan họ là một thành công của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản.
- d. Việc quảng bá hình ảnh, giá trị của Dân ca Quan họ trong cả nước và ra nước ngoài là nhiệm vụ duy nhất của những nhà nghiên cứu Sử học.

Câu 33: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1987, Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO ghi danh thành phố Vơ – ni – đơ và đầm phá Vơ – ni – đơ (I – ta – li – a) vào Danh mục Di sản Thế giới. Vơ – ni – đơ là một trong những điểm đến du lịch phổ biến và nổi tiếng của châu Âu, là thành phố mang tính biểu tượng, có giá trị lớn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và hình ảnh đất nước I – ta – li – a.

Năm 2021, UNESCO đưa ra khuyến cáo đối với chính quyền thành phố Vơ – ni – đơ cần “quản lý du lịch bền vững hơn”. Ngày 13 – 7 – 2021, Chính phủ I – ta – li – a ra lệnh cấm các tàu du lịch lớn vào trung tâm thành phố Vơ – ni – đơ để bảo tồn hệ sinh thái và di sản vùng đầm phá này.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.14)

- a. Thành phố Vơ – ni – đơ và đầm phá Vơ – ni – đơ là di sản văn hóa phi vật thể của đất nước I – ta – li – a đã được UNESCO ghi danh.
- b. Nhờ giá trị lịch sử, văn hóa, kết hợp cảnh quan độc đáo, Vơ – ni – đơ đã trở thành một điểm đến du lịch nổi tiếng của I – ta – li – a và toàn châu Âu.
- c. Năm 2021, tổ chức UNESCO đưa ra khuyến cáo đối với chính quyền thành phố Vơ-ni-đơ cần “quản lý du lịch bền vững hơn” nhằm bảo tồn hệ sinh thái và di sản vùng đầm phá này.
- d. Năm 2021, Chính phủ I – ta – li – a đã hạn chế tác động xấu từ bên ngoài đối với thành phố và đầm phá Vơ – ni – đơ thông qua việc cấm các tàu du lịch lớn vào trung tâm thành phố.

Câu 34: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Việt Nam được bầu chọn là “Điểm đến hàng đầu châu Á về di sản, ẩm thực và văn hóa” (2020) và “Điểm đến du lịch bền vững hàng đầu châu Á” (2021) là nhờ có hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa và di sản thiên nhiên đa dạng phân bố trên khắp cả nước, như Phố cổ (Hà Nội), Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Cố đô Huế (Thừa Thiên Huế), Phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh),...

Điểm chung của các địa danh này chính là sức hấp dẫn của các yếu tố về lịch sử, văn hóa, cảnh quan. Đây cũng là những nơi còn lưu giữ được dấu ấn lịch sử, văn hóa truyền thống một cách có hệ thống, được chính phủ và chính quyền địa phương quan tâm kết hợp bảo tồn và khai thác khoa học.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.15)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về vai trò của Sử học đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa.
- b. Các di tích lịch sử - văn hóa là một trong những nguồn tài nguyên du lịch quý giá giúp Việt Nam được bình chọn là “Điểm đến hàng đầu châu Á về di sản, ẩm thực và văn hóa” năm 2020.
- c. Phố cổ (Hà Nội), Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) đều là các di tích lịch sử - văn hóa có sức hấp dẫn của nước ta.
- d. Các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên của nước ta được chính phủ và chính quyền địa phương quan tâm kết hợp bảo tồn và khai thác khoa học thông qua các hoạt động quảng bá và du lịch.

Câu 35: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Điện Biên Phủ là địa danh nổi tiếng ở vùng núi Tây Bắc Việt Nam. Với quần thể di tích Chiến trường Điện Biên Phủ và các lễ hội đặc sắc (Lễ hội Hoa Ban, Lễ hội thành Bản Phủ, Lễ hội Hạng Khuông,...), Điện Biên Phủ có nhiều lợi thế để phát triển du lịch, kết hợp việc duy trì kí ức và bản sắc dân tộc với thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Quần thể di tích Chiến trường Điện Biên Phủ có 45 điểm di tích thành phần, được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là Di tích Quốc gia đặc biệt năm 2009. Các điểm di tích được nhiều du khách tham quan là đồi A1, C1, C2, D1, hầm chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, cứ điểm Hồng Cúm, cứ điểm Him Lam, đồi Độc Lập, sân bay Mường Thanh (nay là Cảng hàng không Điện Biên Phủ),...

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.17).

- a. Chiến trường Điện Biên Phủ là quần thể di tích lịch sử của nước ta được Nhà nước và thế giới xếp hạng, ghi danh.
- b. Điện Biên Phủ có lợi thế để phát triển du lịch nhờ vào giá trị lịch sử, cách mạng của di tích chiến trường Điện Biên Phủ kết hợp với các lễ hội mang bản sắc của các dân tộc ở đây.
- c. Các cứ điểm A1, C1, D1, C2 là nơi đã diễn ra những trận đánh quyết liệt giữa quân đội Việt Nam với đế quốc Mỹ năm 1954, hiện nay đã trở thành các điểm di tích thu hút nhiều khách tham quan.
- d. Việc phát triển du lịch ở Điện Biên Phủ không chỉ có tác dụng giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc mà còn giúp duy trì kí ức và bản sắc dân tộc.

Câu 36: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long có địa chỉ 18 Hoàng Diệu (phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội). Đây là quần thể di tích gắn với lịch sử kinh thành Thăng Long (thời Lý – Trần), Đông Kinh (thời Hậu Lê) và tỉnh thành Hà Nội (thời Nguyễn)....

Hoàng thành Thăng Long được hình thành vào năm 1010, khi vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Đại La và cho xây dựng kinh thành quy mô lớn....

Với những giá trị lịch sử, văn hóa mà công trình kiến trúc đặc biệt này mang lại, năm 2010, UNESCO đã ghi danh Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long là Di sản Văn hóa thế giới và nơi đây đã trở thành một trong những địa điểm nghiên cứu khoa học cũng như tham quan, du lịch nổi tiếng của Hà Nội.

(Tài liệu tổng hợp từ Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long – Hà Nội)

- a. Trung tâm Hoàng thành Thăng Long là di tích lịch sử - cách mạng của nước ta đã được UNESCO ghi danh.
- b. Hoàng thành Thăng Long được hình thành vào thế kỉ XI và trở thành kinh đô của nước Đại Việt trong suốt các triều đại Lý, Trần, Hậu Lê, Nguyễn.
- c. Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long trở thành một địa điểm du lịch nổi tiếng của Hà Nội nhờ sức hút của giá trị lịch sử, văn hóa lâu đời gắn với kinh thành hơn 1000 năm tuổi.
- d. Không chỉ phát triển du lịch, khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long còn là một nguồn sử liệu quan trọng để nghiên cứu về văn minh Đại Việt.

Câu 37: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Là một tỉnh ven biển miền Nam Trung Bộ, Quảng Nam có nhiều lợi thế để phát huy du lịch gắn liền với việc khai thác giá trị văn hóa của phố cổ Hội An, di sản Mỹ Sơn, nghệ thuật bài chòi. Theo báo cáo của ngành du lịch, “năm 2018, tổng lượt khách tham quan, lưu trú du lịch đạt 6,5 triệu lượt, tăng 21,5 %; trong đó khách quốc tế đạt 3,8 triệu lượt, tăng 36,58% so với cùng kỳ năm 2017. Doanh thu từ tham quan, lưu trú du lịch năm 2018 đạt 4.700 tỷ đồng, tăng 21,76% so với cùng kỳ năm 2017.

Qua khảo sát, tìm hiểu, các địa phương có di sản văn hóa được UNESCO vinh danh, các loại hình nghệ thuật truyền thống mang những giá trị đặc sắc đã tạo cơ sở nền tảng quan trọng để phát triển ngành du lịch, dịch vụ, thu hút du khách trong, ngoài nước, đóng góp nguồn thu lớn vào ngân sách quốc gia.

(Nguyễn Huy Phòng, *Phát huy nguồn lực di sản văn hóa trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội*, Tạp chí văn hóa nghệ thuật số 417, tháng 3 – 2019)

- a. Nội dung chủ đạo của đoạn tư liệu đề cập đến vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch.
- b. Quảng Nam là một tỉnh có nhiều lợi thế để phát triển du lịch do có hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể độc đáo.
- c. Năm 2018, lượt khách quốc tế của tỉnh Quảng Nam chiếm hơn 58% tổng lượt khách tham quan, lưu trú
- d. Theo tác giả, chỉ có những địa phương có di sản văn hóa được UNESCO ghi danh hoặc có các loại hình nghệ thuật truyền thống đặc sắc thì mới phát triển được du lịch, dịch vụ.

Câu 38: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Di sản lịch sử - văn hóa là cầu nối quá khứ - hiện tại – tương lai. Mỗi công trình, quần thể, danh thắng đều là sản phẩm của lịch sử và là thành quả của quá trình lao động, sáng tạo lâu dài. Đó là nền tảng tinh thần và vật chất của mỗi địa phương, cộng đồng, góp phần quan trọng vào việc giáo dục lịch sử,

vun đắp truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam ra thế giới,... Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản là việc làm quan trọng, cần thiết.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10*, bộ chân trời sáng tạo, tr.14)

- Bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản là hoạt động lưu giữ, bảo vệ và lan tỏa các giá trị những di sản của thế hệ trước để lại.
- Trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản thuộc về hai đối tượng là các cấp chính quyền và những nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa.
- Việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản là việc làm quan trọng, cần thiết, vì đây là cách duy nhất để có thể quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam ra thế giới.
- Bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản không chỉ có ý nghĩa giáo dục mà còn mang lại giá trị kinh tế - xã hội to lớn.

Câu 39: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Trong mối quan hệ tương tác hai chiều, du lịch phát triển góp phần thúc đẩy việc bảo vệ di sản văn hóa, di tích lịch sử của các quốc gia.

Nhu cầu tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm của du khách thôi thúc các cấp chính quyền và nhân dân quan tâm hơn đến việc giữ gìn, bảo tồn, phục dựng và phát huy những giá trị của di tích, di sản. Đó là sự chăm lo bảo tồn và phát huy nguồn lực cốt lõi cho sự phát triển bền vững, hiệu quả của ngành du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10*, bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.20)

- Nội dung chủ đạo của đoạn tư liệu đề cập đến vai trò của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di tích văn hóa.
- Du lịch văn hóa là loại hình phổ biến của ngành du lịch, dựa vào nguồn tài nguyên quan trọng là các di tích lịch sử - văn hóa.
- Sự phát triển của du lịch là nguyên nhân duy nhất khiến các cấp chính quyền và nhân dân quan tâm đến việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản.
- Sự phát triển của ngành du lịch và việc bảo vệ các di tích, di sản có quan hệ tỉ lệ nghịch với nhau.

Câu 40: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: Tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, kiến trúc; giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các giá trị văn hóa khác, công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng cho mục đích du lịch.

(Theo *Luật du lịch năm 2010*)

Tư liệu 2: Du lịch là một lĩnh vực tăng trưởng tiềm năng cho nền kinh tế châu Âu, tạo ra hơn 10% GDP của EU và sử dụng lực lượng lao động khoảng hơn 10 triệu người. Các khía cạnh văn hóa chiếm khoảng 40% trong giá trị du lịch ở châu Âu. Di sản độc đáo bao gồm: bảo tàng, nhà hát, di tích khảo cổ học và các thành phố lịch sử... đã khiến châu lục này trở thành điểm du lịch chính.

(Theo Phoxit Glô – bon Vi – da, *Di sản độc đáo của châu Âu khiến châu lục này trở thành điểm đến du lịch chính*, tháng 3/2018)

- Điểm chung của cả hai đoạn tư liệu trên là đều đề cập đến giá trị của lịch sử - văn hóa phục vụ cho sự phát triển của ngành du lịch.
- Luật du lịch Việt Nam năm 2010 quy định tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm cả di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.
- Theo quy định của Luật du lịch Việt Nam năm 2010 thì chùa Bái Đính (Ninh Bình), chùa Tam Chúc (Hà Nam) có thể được xếp vào tài nguyên du lịch văn hóa.
- Theo tác giả Phoxit Glô – bon Vi – da, tài nguyên du lịch văn hóa chiếm tỉ trọng gần như tuyệt đối trong giá trị du lịch ở châu Âu.

Câu 41: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá thế giới từ năm 1993 nhưng quần thể di tích Cố đô Huế thường xuyên phải đối mặt với nạn xâm hại. Ngày 21 - 11 - 2017, lăng mộ của bà Trần Thị Nga - mẹ vua Dục Đức bị kẻ gian đập phá, đào bới, khiến nhiều người đau lòng. Đáng buồn hơn, trước đó, nhiều di tích, hiện vật khác như lăng Khải Định, Trường Quốc Tử Giám, bia Quốc học, Cửu vị thần công, Phu Văn Lâu, Chùa Thiên Mụ,... cũng bị tàn phá nghiêm trọng, chủ yếu là do ý thức kém của người

dân cũng như khách tham quan. Theo thông tin từ Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, tổng mức đầu tư dự kiến cho dự án bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế trong giai đoạn 2016 - 2020 lên đến 1274 tỉ đồng. Một số tiền lớn nhưng nếu xét từ mức độ xâm hại, phá hoại di tích đang diễn ra tại Huế hiện nay thì số tiền này vẫn chỉ như “muối bỏ bể”.

(Nguồn: <https://nhandan.vn/binh-luan-phe-phan/nguy-co-bien-mat-nhieu-di-tich-lich-su-311448>)

- a. Với giá trị lịch sử - văn hóa lâu đời, cố đô Huế là quần thể di tích duy nhất của nước ta đã được UNESCO ghi danh.
- b. Đoạn tư liệu đưa ra những cảnh báo về nguy cơ Cố đô Huế có thể bị xâm hại ở nhiều di tích, hiện vật.
- c. “1274 tỉ đồng” được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là số tiền thu được thông qua hoạt động du lịch tại Cố đô Huế và được sử dụng một phần để tu bổ, phục hồi lại di tích.
- d. Một trong những thách thức lớn đặt ra cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản cố đô Huế hiện nay là ý thức trách nhiệm kém của người dân và khách tham quan.

Câu 42.

“Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

(Hồ Chí Minh, *Lịch sử nước ta*, 1942)

- a. Biết được nguồn gốc bản thân, gia đình, dòng họ.
- b. Biết được nguồn gốc lịch sử của dân tộc Việt Nam.
- c. Truyền lại tri thức, kinh nghiệm, truyền thống văn cho thế hệ sau.
- d. Tạo nên ý thức cộng đồng, ý thức dân tộc và bản sắc văn hóa cộng đồng, dân tộc.

Câu 43. *“Sử để ghi việc, mà việc hay hoặc dở đều dùng làm gương răn cho đời sau”.*

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, Sdd, tr.101)

- a. Góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.
- b. Giúp con người nhận thức sâu sắc về cội nguồn, bản sắc của dân tộc.
- c. Giúp con người đúc kết bài học kinh nghiệm từ quá khứ cho hiện tại.
- d. Giúp con người dự báo chính xác về những sự kiện trong tương lai.

Câu 44. Đọc tư liệu sau:

“Sử để ghi việc, mà việc hay hoặc dở đều làm gương răn cho đời sau”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, tập I, NXB khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tra.101)

- a. Lịch sử phản chiếu các sự việc đã xảy ra trong quá khứ, đảm bảo tính trung thực, khách quan
- b. Lịch sử là tấm gương để răn dạy đời sau, giúp người đời sau rút ra những bài học kinh nghiệm.
- c. Sử là cái gương cho muôn đời, giúp người đời sau rút ra những bài học kinh nghiệm.
- d. Lịch sử giúp con người dự báo chính xác về tất cả các sự kiện trong tương lai.

Câu 45: Đọc tư liệu

“Lịch sử là bằng chứng của thời đại, là ngọn lửa của chân lí, là sinh mệnh của kí ức, là thầy dạy của cuộc sống và là sứ giả của cố nhân”?

(Xi-xê-rông)

“Lịch sử không phải là gánh nặng cho kí ức, mà là sự soi sáng của tâm hồn”?

(Lo Ác-ton)

- a. Tri thức lịch sử có giá trị lớn đối với mỗi cá nhân và xã hội.
- b. Lịch sử có mối liên hệ chặt chẽ với nhiều lĩnh vực của cuộc sống như: chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, môi trường...
- c. Đưa kiến thức lịch sử vào cuộc sống là vô cùng cần thiết
- d. Lịch sử giải thích tất cả những hiện tượng siêu nhiên, thần bí trong cuộc sống.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

Câu 1: Toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử được gọi là

- A. văn minh
- B. văn hóa
- C. chữ viết
- D. nhà nước

Câu 2: Sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người, trạng thái phát triển cao của văn hóa được gọi là

- A. trí tuệ B. văn minh C. xã hội D. đẳng cấp

Câu 3: Nội dung nào sau đây là yếu tố cơ bản để xác định loài người bước vào thời kì văn minh?

- A. Chữ viết, nhà nước. B. Tín ngưỡng, tôn giáo. C. Công cụ bằng đá. D. Nguyên tắc công bằng.

Câu 4: Văn hoá là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra

- A. trong tiến trình lịch sử. B. sau khi đã có chữ viết.
C. sau khi xuất hiện nhà nước D. trong các cuộc chiến tranh.

Câu 5: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa văn hóa và văn minh?

- A. Điều mang đậm bản sắc riêng của tộc người và có tính khép kín
B. Điều phản ánh những tiến bộ vượt bậc về khoa học học và kĩ thuật
C. Điều là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo nên
D. Điều bắt đầu xuất hiện khi con người biết sử dụng công cụ bằng sắt

Câu 6a. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm khác biệt của văn minh so với văn hóa?

- A. Văn minh ra đời trước văn hóa và hoàn toàn độc lập với văn hóa
B. Văn minh chỉ xuất hiện khi con người biết chế tạo công cụ lao động
C. Văn minh xuất hiện đồng thời với sự xuất hiện con người trên trái đất
D. Văn minh chỉ được sáng tạo trong thời kì phát triển cao của xã hội.

Câu 6b. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về khái niệm văn minh?

- A. Văn minh là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần.
B. Văn minh là sự phát triển rất cao về giáo dục và văn hóa.
C. Văn minh là sự đi đầu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.
D. Văn minh là sự chuyển hóa thành công từ vượn thành người.

Câu 7a. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về văn hóa?

- A. Văn hóa là những đòi hỏi của con người về vật chất và tinh thần.
B. Văn hóa là sự phát triển rất cao về giáo dục và khoa học công nghệ.
C. Văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra.
D. Văn hóa là những tiêu chuẩn cơ bản để cải thiện cuộc sống của con người.

Câu 7b. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đặc điểm của văn minh?

- A. Có tiêu chuẩn cơ bản để nhận diện là nhà nước
B. Ra đời trước văn hóa và tồn tại độc lập với văn hóa
C. Ra đời sau văn hóa và có liên hệ chặt chẽ với văn hóa
D. Là những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo

Câu 8. Một trong những yếu tố tạo nên bản sắc của một xã hội hoặc nhóm người trong xã hội là

- A. văn học. B. văn hóa. C. sử học. D. kinh tế.

Câu 9. Thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại được hình thành và phát triển gắn với con sông nào sau đây?

- A. Trường Giang. B. Hoàng Hà. C. Sông Hằng. D. Sông Nin.

Câu 10: Nền văn minh Ai Cập cổ đại được hình thành ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Phi B. Châu Á C. Châu Âu D. Châu Mỹ

Câu 11: Cư dân Ai Cập cổ đại đã sớm tạo ra chữ viết riêng của mình, gọi là chữ

- A. La – tinh B. Hán Nôm C. tượng hình D. Quốc ngữ

Câu 12: Nội dung nào sau đây là nguồn gốc dẫn đến sự xuất hiện sớm của chữ viết ở Ai Cập thời kì cổ đại?

- A. Nhu cầu ghi chép và lưu trữ những gì đã diễn ra
B. Nhu cầu của sản xuất nông nghiệp đúng thời vụ
C. Nhu cầu sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật
D. Nhu cầu đo đạc lại ruộng đất theo định kì hàng năm

Câu 13: Sự ra đời của chữ viết Ai Cập thời kì cổ đại có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Phản ánh trình độ tư duy cao của cư dân Ai Cập.
B. Tạo cơ sở cho sự ra đời của chữ La – tinh sau này.

C. Tạo cơ sở để cư dân Ai Cập cổ đại hội nhập quốc tế.

D. Phản ánh sự phát triển cao độ của nhà nước chuyên chế.

Câu 14: Thành tựu về lĩnh vực nào sau đây của cư dân Ai Cập cổ đại đã được ứng dụng hiệu quả trong việc xây dựng kim tự tháp?

A. Tôn giáo. B. Toán học. C. Tín ngưỡng. D. Chữ viết.

Câu 15: Những thành tựu về toán học của cư dân Ai Cập cổ đại đã được ứng dụng rộng rãi trong việc

A. sáng tác văn học B. hội nhập quốc tế C. đo đạc ruộng đất D. phân chia đẳng cấp

Câu 16: Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời sớm của ngành lịch pháp và thiên văn ở Ai Cập cổ đại là do

A. nhu cầu sản xuất trong nông nghiệp. B. nhu cầu tính toán trong xây dựng

C. nhu cầu ghi chép và lưu trữ thông tin. D. nhu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng

Câu 17: Yếu tố nào sau đây thúc đẩy sự ra đời sớm của những tri thức toán học ở Ai Cập cổ đại?

A. Nhu cầu sáng tác văn học nghệ thuật B. Nhu cầu tính toán trong xây dựng

C. Nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp D. Nhu cầu phát triển thương nghiệp

Câu 18: Kỹ thuật ướp xác là một trong những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ trên lĩnh vực nào sau đây?

A. Thiên văn B. Y học C. Văn học D. Kiến trúc

Câu 19: Kim tự tháp là công trình kiến trúc tiêu biểu của nền văn minh cổ đại nào sau đây?

A. La Mã. B. Trung Quốc. C. Hy Lạp. D. Ai Cập.

Câu 20: Đối với thế giới, những thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại có ý nghĩa nào sau đây?

A. Thể hiện trí tuệ và sự sáng tạo vĩ đại của cư dân Ai Cập

B. Tạo tiền đề cho sự phát triển của văn minh Ai Cập sau này

C. Tạo cơ sở cho sự phát triển văn minh nhân loại trên nhiều mặt

D. Chứng tỏ sự phát triển rực rỡ và toàn diện của văn minh Ai Cập